

Số: 126 /KH-BCĐ

Hà Nội, ngày 03 tháng 5 năm 2019

KẾ HOẠCH

Kiểm tra tình hình thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2019

Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến 2020”; Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 22/02/2019 của UBND Thành phố về Đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg trên địa bàn Thành phố năm 2019. Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg (gọi tắt là Ban Chỉ đạo 1956 Thành phố) ban hành Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg trên địa bàn các huyện và thị xã Sơn Tây năm 2019 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá kết quả triển khai và thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg, Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn triển khai của các Bộ, ngành, địa phương đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn của cấp huyện năm 2018 và tình hình thực hiện năm 2019; làm rõ mặt được, những tồn tại cần khắc phục trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, từ đó đưa ra những giải pháp phù hợp, nâng cao chất lượng đào tạo nghề góp phần thực hiện tốt và hiệu quả Quyết định số 1956/QĐ-TTg.

2. Yêu cầu

- Hoạt động kiểm tra bám sát mục tiêu, các chính sách của Quyết định số 1956/QĐ-TTg; Quyết định số 971/QĐ-TTg, phản ánh trung thực kết quả đạt được, kịp thời khắc phục những mặt tồn tại.
- Tăng cường chất lượng đào tạo, nâng cao hiệu quả thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg và Quyết định số 971/QĐ-TTg.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg và Quyết định số 971/QĐ-TTg năm 2018 trên địa bàn cấp huyện

a) Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg; Quyết định số 971/QĐ-TTg của Ban Chỉ đạo 1956 cấp huyện. Sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể trong việc triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg trên địa bàn các huyện và thị xã Sơn Tây.

b) Công tác thông tin, tuyên truyền; điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề và tư vấn học nghề cho lao động nông thôn.

c) Công tác tổ chức lớp học và triển khai các mô hình điểm có hiệu quả về dạy nghề lao động nông thôn.

d) Các điều kiện đảm bảo tốt công tác đào tạo nghề theo quy định: Cơ sở vật chất tổ chức dạy nghề (phòng học lý thuyết, xưởng, phòng thực hành nghề), trang thiết bị, chương trình, giáo trình, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý tham gia công tác dạy nghề lao động nông thôn.

đ) Kết quả, hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn (thực tế công tác giải quyết việc làm; thu nhập của người lao động sau học nghề) đối với phát triển kinh tế - xã hội và công tác xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

e) Công tác kiểm tra cấp xã, phường, thị trấn.

f) Việc sử dụng kinh phí (đánh giá tính hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng chế độ tài chính).

g) Đánh giá cụ thể ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân.

h) Việc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Công tác tổ chức lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019

a) Thủ tục, điều kiện tổ chức lớp học.

b) Công tác bố trí cơ sở vật chất, điều kiện tổ chức giảng dạy.

c) Việc thực hiện tiến độ, kế hoạch đào tạo.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Đối tượng

- Hoạt động của Ban Chỉ đạo 1956 cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Triển khai nhiệm vụ của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế các huyện, thị xã có dạy nghề lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Các đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động nông thôn sau đào tạo nghề.

- Lao động nông thôn tham gia học nghề.

2. Phạm vi

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong năm 2018.

- Các lớp đang tổ chức đào tạo nghề tính đến thời điểm kiểm tra năm 2019.

3. Hình thức, phương án thực hiện

a) Kiểm tra theo đề cương

- Ban Chỉ đạo 1956 cấp huyện báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg tại địa phương theo đề cương chi tiết đính kèm.

- Tổ chức kiểm chứng kết quả đào tạo (người lao động sau học nghề, các lớp học đang đào tạo nghề) tại các xã, phường, thị trấn, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá thực tế các mô hình đào tạo nghề có hiệu quả; các hộ gia đình áp dụng hiệu quả kiến thức học nghề vào phát triển sản xuất, tăng thu nhập ổn định đời sống.

- Kiểm tra các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tuyển dụng lao động sau khi học nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg.

b) Kiểm tra đột xuất

Kiểm tra việc tổ chức đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (không báo trước) về thực hiện kế hoạch đào tạo; bố trí cơ sở vật chất, điều kiện tổ chức giảng dạy và các nội dung đào tạo khác liên quan đối với các lớp đào tạo trong năm 2019 (theo kế hoạch, tiến độ do các phòng chuyên môn của UBND cấp huyện cung cấp).

4. Thời gian kiểm tra: Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2019.

Lịch kiểm tra cụ thể từng huyện, thị xã được thông báo trước 10 ngày đối với hình thức kiểm tra nêu tại Mục a Phần 3.

IV. KINH PHÍ TỔ CHỨC KIỂM TRA

1. Nguồn kinh phí: Đoàn kiểm tra được sử dụng kinh phí từ nguồn kinh phí giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg và kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg, UBND Thành phố đã giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội thực hiện.

2. Nội dung chi

- Chi công tác phí: 150.000 đồng/ngày/người (theo Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội).

- Kinh phí thuê xe ô tô đưa đón Đoàn kiểm tra theo Kế hoạch (đã giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội tại Quyết định số 6688/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND Thành phố về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 của thành phố Hà Nội).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Đoàn kiểm tra

a) Cơ cấu, thành phần Đoàn kiểm tra

- Đoàn kiểm tra do UBND Thành phố thành lập. Lãnh đạo Đoàn là đại diện Lãnh đạo Sở Lao động Thương binh và Xã hội, đại diện Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thành viên gồm: Các đồng chí trong Ban Chỉ đạo 1956 Thành phố, đại diện các Sở, ban, ngành có thành viên trong Ban Chỉ đạo 1956 Thành phố; cán bộ Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và mời đại diện một số Sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể.

b) Nhiệm vụ Đoàn kiểm tra

- Trưởng Đoàn kiểm tra đề nghị UBND các huyện, thị xã chuẩn bị báo cáo theo đề cương, mẫu biểu số 01, 02, 03, 04, 05, 06 phục vụ công tác kiểm tra gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 1956 Thành phố).

- Tiến hành kiểm tra theo hình thức nêu tại Mục a Phần 3 đảm bảo đúng nội dung, lịch trình và tiến độ kiểm tra của Kế hoạch.

- Tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố kết quả công tác kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg tại các địa phương theo Kế hoạch.

2. Phân công thực hiện

a) Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Là cơ quan thường trực, hướng dẫn, triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành Thành phố tham mưu, đề xuất thành lập Đoàn kiểm tra, trình UBND Thành phố phê duyệt.

- Tổ chức kiểm tra công tác tổ chức đào tạo nghề theo nội dung, hình thức nêu tại điểm b, mục 3, phần III Kế hoạch này; Tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố kết quả kiểm tra.

- Thông báo lịch kiểm tra của Đoàn kiểm tra Thành phố đến UBND các huyện và thị xã.

- Đôn đốc UBND các huyện, thị xã và chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp Sở Lao động Thương binh và Xã hội đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã và chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Kiểm tra công tác tổ chức đào tạo nghề đối với nghề nông nghiệp theo nội dung, hình thức nêu tại điểm b, mục 3, phần III Kế hoạch này; Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác kiểm tra gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp chung, báo cáo UBND Thành phố.

c) Các Sở, ban, ngành liên quan

- Phối hợp Sở Lao động Thương binh và Xã hội đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã và chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành bố trí lãnh đạo, cán bộ theo thành phần tham gia Đoàn kiểm tra đầy đủ, đúng thời gian và thực hiện nghiêm sự phân công của Trưởng Đoàn kiểm tra trong thời gian kiểm tra.

d) Ban Chỉ đạo 1956 cấp huyện

- Chuẩn bị báo cáo theo đề cương, mẫu biểu quy định tại Kế hoạch, gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội trước thời điểm kiểm tra 03 ngày; bố trí thời gian, địa điểm, thành phần (lãnh đạo, cán bộ) làm việc với Đoàn kiểm tra 1956 Thành phố theo đúng lịch trình.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ cấp huyện theo nhiệm vụ liên quan chuẩn bị toàn bộ báo cáo, hồ sơ thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và giải trình khi Đoàn kiểm tra yêu cầu.

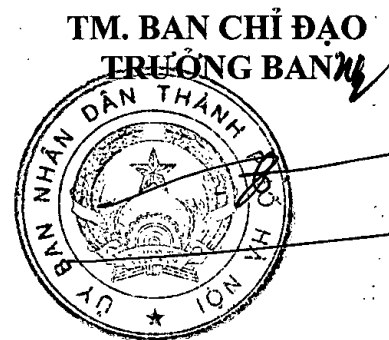
- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn trực thuộc báo cáo, giải trình và cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan công tác tổ chức đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động sau học nghề khi được yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

- Yêu cầu các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn cấp huyện chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan công tác tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn cung cấp cho Đoàn kiểm tra và giải trình khi có yêu cầu của Đoàn.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra tình hình thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2019; yêu cầu Ban Chỉ đạo 1956 cấp huyện, cấp xã, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đ/c Bí thư Thành ủy; | để
- Chủ tịch UBND Thành phố; | b.cáo
- Phó Chủ tịch Ngô Văn Quý;
- Thành viên BCD 1956 Thành phố;
- Các Sở: LĐTB&XH, NN&PTNT;
- UBND các huyện, thị xã;
- VPUB: CVP, PCVP Đ.H.Giang, KGVX, KT, TKBT;
- Lưu: VT, KGVXt. (6)



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ
Ngô Văn Quý**

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1956/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN “ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2020”

(Kèm theo Kế hoạch số 126 /KH-BCĐ ngày 03 /6/2019
của Ban Chỉ đạo 1956 thành phố Hà Nội)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1956 TRONG NĂM 2018:

1. Công tác chỉ đạo.
2. Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề.
3. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu giám sát, đánh giá Đề án.

Thông kê kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018 (tính đến hết ngày 31/12/2018) đối với từng chỉ tiêu giám sát, đánh giá của Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” ban hành theo Quyết định số 1582/QĐ-LĐTBXH ngày 02/12/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chi tiết theo Biểu số 01 đính kèm.

4. Kết quả đào tạo và giải quyết việc làm

4.1 Kết quả đào tạo

- Chia theo các nhóm đối tượng.
- Chia theo nhóm nghề.
- Số lao động nông thôn được đào tạo chia theo độ tuổi.

4.2 Kết quả giải quyết việc làm sau đào tạo nghề (số liệu có khảo sát đảm bảo tính thực tế).

Chi tiết theo Biểu số 02, 03, 04 đính kèm.

4.3 Số cán bộ công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng.

4.4 Tình hình cho vay vốn tạo việc làm, phát triển sản xuất của người lao động sau khi học nghề (tiếp cận vốn vay từ ngân hàng Chính sách xã hội):

- Công tác phổ biến chính sách vay vốn;
- Số hộ có học viên sau học nghề được vay, số tiền được vay;
- Hạn chế, vướng mắc.

5. Việc bố trí cán bộ chuyên trách dạy nghề:

6. Tình hình xây dựng và thực hiện các mô hình điểm đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

7. Tình hình sử dụng kinh phí:

- Tổng số kinh phí được sử dụng năm 2018.

Chia theo nguồn kinh phí:

- + Kinh phí chuyển nguồn sang năm 2018.
- + Kinh phí ngân sách Thành phố giao.
- + Kinh phí ngân sách cấp huyện.
- + Nguồn khác (theo quy định).

Chia theo nhóm nghề đào tạo:

- + Nghề nông nghiệp.
- + Nghề phi nông nghiệp.
- Tổng số kinh phí đã thực hiện trong năm 2018.

Chia theo các tiêu chí:

- + Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề.
- + Hỗ trợ tiền ăn cho học viên.
- + Hỗ trợ tiền đi lại cho học viên.
- + Kinh phí tuyên truyền.
- + Kinh phí giám sát.

Chia theo nhóm nghề đào tạo:

- + Nghề nông nghiệp.
- + Nghề phi nông nghiệp.

Chi tiết theo Biểu số 05 đính kèm.

- Kinh phí đào tạo cán bộ công chức cấp xã.
- 8. Công tác quản lý, kiểm tra, nghiệm thu kết quả đào tạo nghề.
- 9. Những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Mặt được.
2. Mặt chưa được.
3. Nguyên nhân.

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO NÔNG THÔN NĂM 2019:

1. Mục tiêu: Số lao động được đào tạo nghề, tỷ lệ lao động được tạo việc làm sau khi học nghề; Số cán bộ công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng.
2. Nhiệm vụ.
3. Giải pháp.
4. Kết quả đào tạo (tính đến thời điểm kiểm tra - Chi tiết theo Biểu số 06 đính kèm).

IV. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT:

1. Đối với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương:
 2. Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố:
 3. Đối với Sở, Ban, ngành Thành phố.
-

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ**Đề án đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020 trên địa bàn quận, huyện, thị xã năm 2018***(Kèm theo Kế hoạch số 126 /KH-BCĐ ngày 03 / 6 /2019 của Ban Chỉ đạo 1956 thành phố Hà Nội)*

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Số lượng
I. CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH	1. Số địa phương đã xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo	
	2. Số lần BCĐ Huyện hướng dẫn, kiểm tra các địa phương (xã) về triển khai và thực hiện Đề án	
	3. Danh mục nghề đào tạo cho LĐNT đã được ban hành (cấp Thành phố)	
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN	1. Tổng số lớp dạy nghề đã được tổ chức:	
	- Nghề Nông nghiệp	
	- Nghề Phi nông nghiệp	
	2. Số LĐNT được học nghề trong năm:	
	2.1 Dạy nghề thường xuyên dưới 3 tháng	
	2.2 Dạy nghề trình độ sơ cấp:	
	- Nghề Nông nghiệp	
	- Nghề Phi nông nghiệp	
	2.3 Nhóm đối tượng được hỗ trợ:	
	+ Nhóm 1 (Người có công, Dân tộc thiểu số, Hộ nghèo, Hộ bị thu hồi đất, người khuyết tật)	
	+ Nhóm 2 (Hộ cận nghèo)	
	+ Nhóm 3 (Lao động nông thôn khác)	
	3. Tỷ lệ LĐNT được học nghề:	
	Số LĐNT được học nghề	
	Tổng số người có nhu cầu học nghề	
	4. Số nghề đã được tổ chức đào tạo:	
	5. Số giáo viên/người dạy nghề được bồi dưỡng	
6. Số cán bộ, công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng:		
7. Số hộ được vay vốn (Ngân hàng Chính sách XH)		
8. Kinh phí đã xử dụng phân theo nguồn (Đvt: đồng)		
- Ngân sách Thành phố:		
- Ngân sách quận/huyện:		
9. Số doanh nghiệp/đơn vị tham gia ký hợp đồng 3 bên, phân theo:		
- Loại hình doanh nghiệp		
- Ngành nghề sản xuất - kinh doanh		
- Hình thức hỗ trợ (tuyển dụng, bao tiêu sản phẩm, hỗ trợ khác...)		
III. HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DẠY NGHỀ CHO LĐNT	1. Số LĐNT sau khi học nghề có việc làm:	
	- Số LĐNT được doanh nghiệp tuyển dụng	
	- Số LĐNT được doanh nghiệp/đơn vị bao tiêu sản phẩm	
	- Số LĐNT tự tạo việc làm	
	- Số LĐNT (sau học nghề 1 năm) thành lập tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp...	

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2018
 (Kèm theo Kế hoạch số 126 /KH-BCĐ ngày 03 / 6 /2019 của Ban Chỉ đạo 1956 thành phố Hà Nội)

TT	Tên nghề đào tạo cho LĐNT	Số người có nhu cầu học nghề	Kết quả dạy nghề cho LĐNT và việc làm sau khi học nghề (người)																						
			Số lớp	Tổng số LĐNT được đào tạo	Nữ	Đối tượng 1						Đối tượng 2	Đối tượng 3	Tổng số người học xong	Số người có việc làm				Thuộc hộ thoát nghèo	Thuộc hộ khá					
						Người được hưởng CS ưu đãi người có công với CM	Dân tộc thiểu số	Hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người khuyết tật	Lao động nữ bị mất việc làm				Người thuộc hộ cận nghèo	LĐNT khác	Tổng số người có việc làm	Trong đó:							
																		Được DN/Đơn vị tuyển dụng			Được DN/Đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác xã, tổ SX, HTX,		
I	Nghề nông nghiệp																								
1	Nghề A																								
2	Nghề B																								
3																								
II	Nghề phi nông nghiệp																								
1	Nghề A																								
2	Nghề B																								
3																								
	Tổng cộng:																								

Ngày.... tháng năm 2019

TM. BAN CHỈ ĐẠO

(ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

UBND
BAN CHỈ ĐẠO 1956

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LĐNT NĂM 2018
(Kèm theo Kế hoạch số 126 /KH-BCĐ ngày 03 / 6 /2019 của Ban Chỉ đạo 1956 thành phố Hà Nội)

STT	Tên cơ sở tham gia dạy nghề cho LĐNT	Số giáo viên tham gia		Quy mô tuyên sinh/năm	Kết quả đào tạo nghề cho LĐNT (người)					Tổng số kinh phí quyết toán (đồng)	
		Tổng số	GV cơ hữu		Số lớp	Tổng số LĐNT được đào tạo	Đôi tượng 1	Đôi tượng 2	Đôi tượng 3		Tổng số LĐNT học xong
1	Trường Cao đẳng ... Nghề A										
	Nghề B										
2	Trường Trung cấp ... Nghề A										
	Nghề B										
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp ... Nghề A										
	Nghề B										
4	Cơ sở giáo dục nghề khác										
5										
	Tổng cộng:										

Ngày.... tháng năm 2019
TM. BAN CHỈ ĐẠO 1956
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

UBND
BAN CHỈ ĐẠO 1956

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO THEO ĐỘ TUỔI NĂM 2018
(Kèm theo Kế hoạch số 126 /KH-BCĐ ngày 03 / 6 /2019 của Ban Chỉ đạo 1956 thành phố Hà Nội)

Stt	Nội dung	Tổng số	Nữ	Nghề nông nghiệp	Nghề phi nông nghiệp	Số người có việc làm sau học nghề	Chia theo đối tượng				
							Hộ người có công	Hộ dân tộc thiểu số	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Chính sách khác
1	Dưới 25 tuổi										
2	Từ 26 đến 45 tuổi										
3	Trên 45 tuổi										
	Tổng cộng:										

Ngày tháng năm 2019

TM. BAN CHỈ ĐẠO 1956

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

UBND
BAN CHỈ ĐẠO 1956

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO SỬ DỤNG KINH PHÍ NĂM 2018

(Kèm theo Kế hoạch số 126 /KH-BCĐ ngày 03 / 6 /2019 của Ban Chỉ đạo 1956 thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TT	Tên nghề	Kinh phí thực hiện						
		Tổng kinh phí	Ngân sách Thành phố			Ngân sách quận, huyện	Nguồn khác	
			Kinh phí hỗ trợ chi phí dạy nghề	Tiền ăn	Tiền đi lại		Tổng số	Trong đó
						Thu học phí	Huy động	
	Tổng cộng:							
1	Kinh phí dạy nghề cho LĐNT							
1.1	Nghề nông nghiệp							
1.2	Nghề phi nông nghiệp							
2	Kinh phí tuyên truyền							
3	Kinh phí điều tra, khảo sát							
4	Kinh phí hoạt động BCD cấp huyện							

Ngày.... tháng năm 2019

TM. BAN CHỈ ĐẠO

(ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2019

(Số liệu tính đến thời điểm kiểm tra)

(Kèm theo Kế hoạch số 126 /KH-BCĐ ngày 03 / 6/2019 của Ban Chỉ đạo 1956 thành phố Hà Nội)

TT	Tên nghề đào tạo cho LĐNT	Số người có nhu cầu học nghề	Kết quả dạy nghề cho LĐNT và việc làm sau khi học nghề (người)																		
			Số lớp	Tổng số LĐNT được đào tạo	Nữ	Đối tượng 1					Đối tượng 2 Người thuộc hộ cận nghèo	Đối tượng 3 LĐNT khác	Tổng số người học xong	Số người có việc làm					Thuộc hộ thoát nghèo	Thuộc hộ khá	
						Người được hưởng CS ru đãi người có công với CM	Dân tộc thiểu số	Hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người khuyết tật				Lao động nữ bị mất việc làm	Trong đó:						
															Tổng số người có việc làm	Được DN/Đơn vị tuyển dụng	Được DN/Đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm			Thành lập tổ hợp tác xã, tổ SX, HTX, DN
I	Nghề nông nghiệp																				
1	Nghề A																				
2	Nghề B																				
3																				
II	Nghề phi nông nghiệp																				
1	Nghề A																				
2	Nghề B																				
3																				
	Tổng cộng:																				

Ngày.... tháng năm 2019

TM. BAN CHỈ ĐẠO

(ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)